

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 24 - 6 - 2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Hưng.

2. Ông Lê Dũng Tấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử công khai vụ án dân sự thụ L số 31/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 26/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân TT.

Địa chỉ: Thôn A, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Th – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bà Th có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Tổng L, sinh năm 1984 và chị Lê Thị T sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn NS, xã TN, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Anh L và chị T vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Tổng G, sinh năm 1953;

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn NS, xã TN, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Ông G có mặt tại phiên tòa; Bà L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019, bản tự khai ngày 24/02/2020, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/5/2017 Quỹ tín dụng nhân dân TT ký Hợp đồng tín dụng số 17 -1 - 225/HĐTD với anh Tổng L và chị Lê Thị T. Tổng mức tín dụng được cấp là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Lãi suất cho vay 1,02%/ tháng thời hạn vay 06 tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,53% tháng. Mục đích vay: Đầu tư làm công trình xây dựng, phương thức trả nợ: Gốc đến hạn, lãi trả hàng tháng. Theo hợp đồng Quỹ tín dụng nhân dân TT đã giải ngân cho anh Tổng L vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là 01 khối bất động sản là quyền sử dụng đất diện tích 170,4m² đất ở được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AI 125173 do Ủy ban nhân dân huyện Thiệu Hoá cấp ngày 30/5/2007 đứng tên ông Tổng G (Là bố đẻ anh Tổng L), theo hợp đồng thế chấp số 67/HĐBĐ ký ngày 10/4/2014.

Từ khi vay đến nay anh Tổng L và chị Lê Thị T, không thanh toán nợ vay đúng hạn cho Quỹ tín dụng, vi phạm thời gian trả nợ trong hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký. Quỹ đã nhiều lần làm việc và thông báo về việc quá hạn trả nợ tại Quỹ với gia đình anh L, chị T; Sau khi Quỹ tín dụng khởi kiện tại Tòa án anh L, chị T đã thanh toán thêm cho Quỹ số tiền là 31.121.000đ (Ba mươi một triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng); Tính đến ngày 24/6/2020 anh L và chị T gồm: Nợ gốc 50.440.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 2.383.794đ (Hai triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn 8.128.910 (Tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn chín trăm mười đồng); Tổng nợ 60.952.700đ (Sáu mươi triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng). Đồng thời Quỹ tín dụng yêu cầu anh L và chị T phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh về sau theo hợp đồng cho đến ngày anh L và chị T thanh tất toán hết hợp đồng. Nếu anh L và chị T không thanh tất toán hết số nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TT đề nghị Tòa án tuyên tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 170,4m² đất ở được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AI 125173 do Ủy ban nhân dân huyện Thiệu Hoá cấp ngày 30/5/2007 đứng tên ông Tổng G là tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ khoản vay. Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn cho rằng tài sản đảm bảo không đăng ký thế chấp, thế chấp không đúng quy định nên rút phần yêu cầu về tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay.

Anh L, chị T, bà L đã được thông báo triệu tập họp lệ để đến Tòa án viết bản khai, tham gia phiên họp và hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc và không có bản khai.

Tại bản tự khai ngày 03/3/2020, tại phiên họp công khai chứng cứ, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Người có quyền L nghĩa vụ liên quan là ông Tổng G (Là bố đẻ của anh Tổng L) trình bày: Năm 2014 ông có ký hợp đồng thế chấp để cho con trai là Tổng L vay tiền về làm nhà, quá trình vay con trai là Tổng L đã trả cho Quỹ nhiều lần đến nay còn nợ số tiền như Quỹ yêu cầu là đúng. Do tình hình kinh tế khó khăn nên gia đình chưa trả được hết nợ cho Quỹ tín

dụng. Năm 2017 anh L và chị T có vay Quỹ tín dụng, gia đình công nhận còn nợ như quỹ tín dụng yêu cầu, gia đình xin hẹn đến cuối năm nay sẽ trả hết nợ cho Quỹ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án thông báo, triệu tập anh L, chị T, bà L lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L, chị T và bà L.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cư trú tại huyện Thiệu Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về xác định tư cách đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và theo yêu cầu ban đầu của Nguyên đơn thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp có người vay là anh Tổng L, Người thế chấp là ông Tổng G và bà Lê Thị L, người thừa kế cùng vay là chị Lê Thị T; Nên Hội đồng xét xử xác định tư cách tố tụng của anh L và chị T là bị đơn, ông G và bà L là người có quyền L nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điều 70, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Xét Hợp đồng tín dụng số 17 -1 -225/HĐTD thì thấy ngày 19/5/2017 anh Tổng L ký hợp đồng vay Quỹ tín dụng nhân dân xã TT số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Lãi suất cho vay 1,02%/ tháng thời hạn vay 06 tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,53% tháng. Mục đích vay: Đầu tư làm công trình xây dựng, phương thức trả nợ: Gốc đến hạn, lãi trả hàng tháng, lãi suất được điều chỉnh từng thời điểm theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân TT; Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã giải ngân, thể hiện bằng phiếu chi, giấy nhận nợ (BL: 19 -20), anh L không có ý kiến gì, chị T là vợ anh L là người thừa kế, ông G là bố anh L công nhận việc vay nợ và có trả nợ thời gian G nhất sau khi tòa án thụ L vụ án ông G và chị T đã trả cho Quỹ được 31.121.000đ (Ba mươi một triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng); Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở vững chắc khẳng định việc anh Tổng L có vay tiền và đã nhận được tiền từ Quỹ tín dụng nhân dân TT theo hợp đồng tín dụng số 17 -1 -225/HĐTD ngày 19/5/2017 mà các bên đã ký kết. Anh L vi phạm cam kết trả nợ, chưa trả hết tiền gốc và lãi phát sinh theo thời hạn vay mà hợp đồng các bên đã ký, nên Quỹ tín dụng nhân dân TT khởi kiện yêu cầu anh L và chị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ; Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phạt chậm trả theo hợp đồng là tự nguyện nên chấp nhận.

[2.2]. Về số tiền phải thanh toán: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Quỹ tín dụng yêu cầu anh L và chị T phải trả tiền gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn như lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết ngày 19/5/2017 cho đến khi tất toán xong khoản vay. Tính đến ngày 24/6/2020, theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp về thông tin dư nợ đối với khoản tiền vay anh L phải trả:

Nợ gốc: 50.440.000đ

Nợ lãi trong hạn: $[(50.440.000đ \times 1.02\%): 30 \text{ ngày}] \times 139 \text{ ngày} = 2.383.794đ$ (Hai triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng),

Nợ lãi quá hạn: $[(50.440.000đ \times 0.51\%): 30 \text{ ngày}] \times 948 \text{ ngày} = 8.128.910đ$ (Tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn chín trăm mười đồng);

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 60.952.700đ (Sáu mươi triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Các khoản nợ phù hợp với hợp đồng ký kết theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với lãi suất cho phép của các tổ chức tín dụng, phù hợp theo hướng dẫn nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận toàn bộ. Ngoài ra còn trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 25/6/2020 cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng hạn mức tín dụng.

[2.3]. Về người phải trả nợ: Anh L và chị T là vợ chồng, nên theo điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, nên chị T phải có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TT cùng anh L là phù hợp với cam kết các bên đã ký tại văn bản giấy đề nghị vay vốn người thừa kế nghĩa vụ là chị Lê Thị T.

[2.3]. Đối với yêu cầu đề nghị của Quỹ tín dụng nhân dân TT về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì thấy: Hợp đồng thế chấp từ năm 2014, tuy có đăng ký thế chấp, nhưng khi ký hợp đồng số 17 -1 -225/HĐTD ngày 19/5/2017 các bên không ký thỏa thuận về việc thế chấp đảm bảo khoản vay, tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn rút yêu cầu này là phù hợp nên không xem xét về phần tài sản đảm bảo khoản vay.

[3]. Về án phí: Anh L, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 6; Điều 9, Điều 18; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân TT:
Về thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Buộc anh Tống L và chị Lê Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân TT số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 17 -1 -225/HĐTD ngày 19/5/2017 số tiền gốc còn lại là 50.440.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng); Tiền lãi đến ngày xét xử (Ngày 24/6/2020) gồm: Nợ lãi trong hạn 2.383.794đ (Hai triệu ba trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), nợ lãi quá hạn 8.128.910đ (Tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn chín trăm mười đồng); Tổng nợ 60.952.700đ (Sáu mươi triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Tống L và chị Lê Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà anh Tống L và chị Lê Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân TT.

[2]. Về án phí: Buộc anh Tống L và chị Lê Thị T phải chịu 3.048.000đ (Ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005614 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Quỹ tín dụng nhân dân TT, ông G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L, chị T, bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Lê Ngọc Hưng

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

